

Số /BC-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO

Tổng kết 20 năm triển khai thực hiện Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Thực hiện Kế hoạch số 18/KH-HĐQT ngày 21/4/2022 của Hội đồng Quản trị (HĐQT) Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) về tổ chức tổng kết 20 năm triển khai thực hiện Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác (Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ),

UBND tỉnh Bình Phước báo cáo kết quả 20 năm triển khai thực hiện Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh như sau:

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ THỰC HIỆN TÍN DỤNG ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI NGƯỜI NGHÈO VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH KHÁC GIAI ĐOẠN 2002-2022

I. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH ĐỊA PHƯƠNG

1. Tình hình chung tại địa phương

Bình Phước là một tỉnh thuộc miền Đông Nam bộ; phía đông giáp tỉnh Đắc Nông và Lâm Đồng; phía nam giáp tỉnh Đồng Nai và Bình Dương; phía Tây giáp tỉnh Tây Ninh; phía bắc và tây bắc tiếp giáp Vương quốc Campuchia; có chiều dài đường biên giới 258,939 km. Diện tích tự nhiên của Bình Phước hiện gần 6.900 km²; dân số toàn tỉnh trên 01 triệu người, với 41 dân tộc anh em cùng sinh sống (DTTS chiếm khoảng 20%). Bình Phước có 11 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 01 thành phố, 02 thị xã, 08 huyện với 111 xã, phường, thị trấn; trong đó, có 04 huyện là Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Đăng, Bù Gia Mập được hưởng chính sách như Tây Nguyên và 05 xã thuộc vùng khó khăn theo Quyết định số 861/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Hiện tỉnh có trên 278 ngàn hộ dân (trong đó, số hộ nghèo, cận nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng giai đoạn 2022-2025 theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP 27/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ trên 8.600 hộ, chiếm khoảng 3,1%).

2. Sự ra đời của NHCSXH gắn với nhiệm vụ triển khai tín dụng ưu đãi đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác

Phát triển kinh tế gắn với giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội là quan điểm nhất quán của Đảng, Nhà nước trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đảng, Nhà nước ta đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách nhân văn, như: Kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và thực hiện công

bằng, tiến bộ xã hội; có chính sách phù hợp nhằm hạn chế phân hóa giàu nghèo, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; chú trọng giải pháp tín dụng chính sách xã hội (CSXH), tạo điều kiện và khuyến khích hộ nghèo, cận nghèo phấn đấu tự vươn lên thoát nghèo bền vững; trợ giúp người nghèo chủ yếu bằng cách cho vay vốn, hướng dẫn cách làm ăn...

Để thực hiện hiệu quả các chủ trương nêu trên; nhiều giải pháp hỗ trợ xóa đói, giảm nghèo đã được ban hành, triển khai thực hiện quyết liệt từ Trung ương đến địa phương; trong đó có chính sách tín dụng ưu đãi đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ. Đồng thời, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 về thành lập NHCSXH với nhiệm vụ thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi nhằm góp phần thực hiện mục tiêu “*Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*”. Trên cơ sở đó, Chi nhánh NHCSXH tỉnh Bình Phước đã được thành lập theo Quyết định số 66/QĐ-HĐQT ngày 14/01/2003 của Chủ tịch HĐQT NHCSXH, với nhiệm vụ được giao là thực hiện tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo và đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ.

Trải qua 20 năm xây dựng và phát triển; được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của NHCSXH Việt Nam; của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh; đặc biệt, có sự giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp; sự phối hợp chặt chẽ của các tổ chức chính trị - xã hội, các sở, ban, ngành,...; tín dụng CSXH đã góp phần phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới và đảm bảo an sinh xã hội tại địa phương. Thực tiễn triển khai thực hiện tín dụng CSXH đã và đang minh chứng cho sự phát triển vững mạnh và ngày càng hiệu quả của kênh tín dụng này theo mục tiêu, nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước đã đề ra, đó là: “Xã hội hóa, nâng cao chất lượng và hiệu quả tín dụng CSXH, huy động lực lượng toàn xã hội tham gia vào sự nghiệp giảm nghèo, tạo việc làm, đảm bảo an sinh xã hội và xây dựng nông thôn mới”.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG 20 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 78/2002/NĐ-CP NGÀY 04/10/2002 CỦA CHÍNH PHỦ

1. Việc ban hành các văn bản chỉ đạo và tổ chức thực hiện

Trong 20 năm qua, trên cơ sở các nội dung chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương và căn cứ tình hình thực tế của địa phương; Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai, tổ chức thực hiện các nội dung liên quan đến tín dụng CSXH (*văn bản chi tiết tại Biểu 01A/TK đính kèm*).

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; các cấp, các ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh đã cụ thể hóa và tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng đến cán bộ, đảng viên và nhân dân bằng nhiều hình thức phù hợp (như: cụ thể hóa trong các chương trình, kế hoạch, văn bản, thông qua Công thông tin điện tử, báo, tạp chí, các buổi nói chuyện chuyên đề...); qua đó, đã nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp; tạo sự đồng thuận

trong nhận thức và hành động; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong triển khai thực hiện hiệu quả tín dụng CSXH.

2. Mô hình tổ chức hoạt động của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bình Phước

Căn cứ Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ; Chi nhánh NHCSXH tỉnh Bình Phước đã được thành lập theo Quyết định số 66/QĐ-HĐQT ngày 14/01/2003 của Chủ tịch HĐQT NHCSXH.

Mô hình tổ chức thực hiện tín dụng CSXH trên địa bàn tỉnh Bình Phước hiện nay gồm: Bộ máy quản trị là Ban Đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh/huyện; Cơ quan hoạt động chuyên trách về tín dụng CSXH là Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện; Lực lượng hoạt động không chuyên trách về tín dụng CSXH là: các sở, ban, ngành có liên quan; Ban (cán bộ) giảm nghèo cấp xã, các hội, đoàn thể nhận ủy thác cấp tỉnh/huyện/xã, trưởng thôn, Ban quản lý Tổ Tiết kiệm và vay vốn (Tổ TK&VV). Trong đó:

2.1. Bộ máy quản trị NHCSXH

Thời gian đầu thành viên BDD HĐQT NHCSXH các cấp bao gồm các thành phần: Trưởng Ban Đại diện là lãnh đạo UBND các cấp; các thành viên là lãnh đạo các sở, ban, ngành (cấp tỉnh), Trưởng một số phòng ban (cấp huyện), tổ chức chính trị xã hội nhận ủy thác cùng cấp.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nhằm phát huy hiệu quả tối đa và quản lý chặt chẽ nguồn lực của Nhà nước, năm 2015 thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 1423/VPCP-KTTH ngày 03/3/2015 của Văn phòng Chính phủ và Văn bản số 819/NHCS-TDNN ngày 09/4/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH; Chi nhánh NHCSXH tỉnh đã tham mưu Trưởng Ban Đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh bổ sung Chủ tịch UBND cấp xã tham gia BDD HĐQT NHCSXH cấp huyện.

Đến nay Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh có 13 thành viên do đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh làm Trưởng ban; các thành viên là lãnh đạo các sở, ban ngành: Văn phòng UBND tỉnh, Ngân hàng Nhà nước, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, 4 Hội đoàn thể nhận ủy thác (Hội Nông dân tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh và Tỉnh Đoàn), Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Ban Dân tộc tỉnh. Còn Ban Đại diện HĐQT cấp huyện/thành phố có 227 thành viên gồm 116 thành viên là lãnh đạo UBND cấp huyện, Trưởng phòng ban cấp huyện, Lãnh đạo NHCSXH cấp huyện, 111 thành viên là Chủ tịch UBND cấp xã.

Trong những năm qua, Ban Đại diện HĐQT NHCSXH các cấp đã có nhiều đóng góp quan trọng, hiệu quả trong việc triển khai thực hiện các chương trình tín dụng CSXH; tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện tại cơ sở. Cụ thể như: (1) Tham mưu cho cấp ủy, chính quyền cùng cấp tạo điều kiện về cơ sở vật chất, trụ sở làm việc cho NHCSXH; (2) Các thành viên là lãnh đạo của các đơn vị chủ quản trên địa bàn đã làm tốt vai trò trách nhiệm của mình trong việc

tham mưu cho các đơn vị theo lĩnh vực, ngành phụ trách để gắn kết việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia khác với các chương trình tín dụng CSXH; (3) Tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương triển khai thực hiện tốt Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng CSXH (Chỉ thị số 40-CT/TW), Quyết định số 401/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (Quyết định số 401/QĐ-TTg), Kết luận số 06-KL/TW ngày 10/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng CSXH (Kết luận số 06-KL/TW) và chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; (4) Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý, sử dụng ngân sách địa phương để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác; (5) Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trong công tác thu hồi nợ đối với hộ gia đình, cá nhân chuyển nhượng quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất có vay vốn tại NHCSXH; (6) Chỉ đạo các sở, ban, ngành, NHCSXH, chính quyền các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện cho vay các chương trình tín dụng mới khi có văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của cấp trên; (7) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban Đại diện các cấp; (8) Phê duyệt, chỉ đạo và đôn đốc NHCSXH thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch, nhiệm vụ được giao hàng năm...

Việc bổ sung Chủ tịch UBND cấp xã tham gia Ban Đại diện HĐQT NHCSXH cấp huyện đã nâng cao vai trò quản lý nhà nước và khẳng định được trách nhiệm của người đứng đầu chính quyền cấp xã đối với hoạt động tín dụng CSXH tại cơ sở; giúp việc triển khai chính sách đạt hiệu quả hơn và giúp quản lý tốt hơn các nguồn vốn tín dụng CSXH trên địa bàn xã. Thông qua công tác triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát; Chủ tịch UBND cấp xã kịp thời nắm bắt được tình hình quản lý vốn vay và những đề xuất, kiến nghị tại cơ sở để xử lý kịp thời. Bên cạnh đó, Chủ tịch UBND cấp xã đã chỉ đạo Ban giám nghèo xã thực hiện nghiêm túc việc rà soát, xác nhận đúng đối tượng được thụ hưởng các chương trình tín dụng CSXH; tổ chức phân bổ vốn đến các thôn, ấp, khu phố...; chỉ đạo Trưởng thôn, Tổ TK&VV phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác hợp bình xét cho vay công khai, dân chủ, qua đó chuyển tải nguồn vốn tín dụng CSXH kịp thời và đến đúng đối tượng được thụ hưởng; đồng thời chỉ đạo Ban giám nghèo cấp xã phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội giám sát hoạt động của Tổ TK&VV ngày càng chặt chẽ.

2.2. Bộ máy điều hành, tác nghiệp

Cơ quan chuyên trách tham mưu, thực hiện tín dụng CSXH trên địa bàn tỉnh là Chi nhánh NHCSXH tỉnh. Khi thành lập, Chi nhánh NHCSXH tỉnh có 11 cán bộ từ Ngân hàng phục vụ người nghèo chuyển sang. Hiện nay, Chi nhánh NHCSXH tỉnh có 01 Hội sở tỉnh và 10 phòng giao dịch NHCSXH huyện, thị xã.

Toàn tỉnh hiện có 107 Điểm giao dịch tại xã/111 xã, phường, thị trấn; có 122 cán bộ, người lao động (01 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc Chi nhánh; 11 Trưởng, phó phòng chuyên môn tại Hội sở tỉnh; 18 Giám đốc, Phó Giám đốc phòng giao

dịch cấp huyện; 17 Trưởng Kế toán, Tổ trưởng Tổ Kế hoạch Nghiệp vụ; 51 cán bộ làm chuyên môn nghiệp vụ và 22 người lao động làm công tác bảo vệ, tạp vụ).

Trong 20 năm qua, NHCSXH đã xây dựng và hoàn thiện bộ máy điều hành tác nghiệp tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; quan tâm xây dựng được đội ngũ cán bộ đảm bảo về số lượng và chất lượng, giỏi một việc, biết nhiều việc, nỗ lực vượt khó, tinh thần trách nhiệm cao, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, NHCSXH thường xuyên quan tâm bồi dưỡng đạo đức và nghiệp vụ, đảm bảo tốt đạo đức nghề nghiệp; có ý thức tổ chức kỷ luật; phong cách giao tiếp văn minh, lịch sự; gần dân, sát dân, tận tụy phục vụ người nghèo và các đối tượng chính sách khác với phương châm *“thấu hiểu lòng dân, tận tâm phục vụ”*.

3. Phương thức quản lý vốn tín dụng CSXH đặc thù, phù hợp với hệ thống chính trị của Việt Nam

3.1. Phương thức quản lý vốn tín dụng CSXH

Công tác quản lý tín dụng CSXH đặc thù, phù hợp với hệ thống chính trị, thông qua hình thức: Phân công, phân cấp trách nhiệm của chính quyền cơ sở trong việc xác nhận đối tượng thụ hưởng chính sách; thực hiện dân chủ, công khai trong cộng đồng dân cư; kết hợp sự tham gia của 04 tổ chức chính trị xã hội nhận ủy thác (Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên) với vai trò giám sát xã hội và làm ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình nghiệp vụ tín dụng chính sách để chuyển tải nguồn vốn tín dụng CSXH đến đúng đối tượng thụ hưởng; nâng cao chất lượng tín dụng, hỗ trợ tối đa cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Kết quả thực hiện ủy thác đến 31/8/2022: tổng dư nợ ủy thác 2.998,2 tỷ đồng, chiếm 99,19%/tổng dư nợ tín dụng CSXH trên địa bàn tỉnh, với 1.846 Tổ TK&VV, 75.964 hộ còn dư nợ; nợ quá hạn 3,14 tỷ đồng, chiếm 0,1%/dư nợ ủy thác.¹

Thông qua hoạt động ủy thác đã huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị cùng chung tay giúp đỡ người nghèo và các đối tượng chính sách. Cùng với cán bộ NHCSXH, hàng ngàn cán bộ tổ chức chính trị xã hội các cấp đã phối hợp chuyển tải nhanh chóng, kịp thời nguồn vốn ưu đãi của Chính phủ đến hàng ngàn người nghèo, đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh. Hoạt động ủy thác với sự tham gia của các tổ chức chính trị xã hội, dưới sự giám sát của cấp ủy, chính quyền, MTTQ và người dân đã đảm bảo yêu cầu công khai, dân chủ trong triển khai tín dụng chính sách; tạo điều kiện giúp người dân tiếp cận vốn tín dụng thuận lợi, tiếp cận dịch vụ tín dụng - tài chính một cách thuận lợi, được phổ biến kiến thức sản xuất, kinh doanh nhằm sử dụng vốn vay hiệu quả; tiết giảm tối đa

¹ Trong đó: Hội Phụ nữ có 11 đơn vị cấp huyện và 111 đơn vị cấp xã nhận ủy thác, với dư nợ 959,29 tỷ đồng, chiếm 32% tổng dư nợ ủy thác; Hội Nông dân có 11 đơn vị cấp huyện, 111 đơn vị cấp xã nhận ủy thác, với dư nợ 907,56 tỷ đồng, chiếm 30,27% tổng dư nợ ủy thác; Hội Cựu chiến binh có 11 đơn vị cấp huyện và 108 đơn vị cấp xã nhận ủy thác, với dư nợ 610,33 tỷ đồng, chiếm 20,36% tổng dư nợ ủy thác; Đoàn Thanh niên có 11 đơn vị cấp huyện và 106 đơn vị cấp xã nhận ủy thác, với dư nợ 520,98 tỷ đồng, chiếm 17,38% tổng dư nợ ủy thác.

thời gian, chi phí, góp phần hạn chế nạn cho vay nặng lãi ở khu vực nông thôn, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào DTTS và miền núi.

Thông qua hoạt động ủy thác, các tổ chức chính trị xã hội có thêm điều kiện củng cố tổ chức mình gần dân, sát dân hơn; thực hiện chức năng, nhiệm vụ toàn diện, hiệu quả hơn; nội dung hoạt động phong phú, thiết thực hơn; vai trò, nhiệm vụ là trung tâm nòng cốt cho phong trào hỗ trợ hội viên phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới được khẳng định; thu hút, tập hợp được đông đảo hội viên, làm cho hội viên tin tưởng, gắn bó hơn với tổ chức mình; làm tăng trách nhiệm, tình cảm, tinh thần đoàn kết giữa hội viên với hội viên, hội viên với tổ chức hội... Thông qua đó, uy tín của tổ chức chính trị xã hội được nâng lên, người dân tự nguyện tham gia các tổ chức chính trị xã hội nhiều hơn; góp phần củng cố hệ thống chính trị tại cơ sở; củng cố, tăng cường niềm tin vững chắc của hội viên và các tầng lớp nhân dân vào công cuộc đổi mới của Đảng, Nhà nước.

Việc ủy thác thông qua các tổ chức chính trị xã hội là giải pháp sáng tạo, ưu việt, riêng có của NHCSXH, phù hợp với tôn chỉ hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội; phù hợp với tính chất chính trị, xã hội của vốn tín dụng CSXH, phát huy tối đa hiệu quả của vốn cho vay; góp phần tích cực thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, bảo đảm an sinh xã hội, xây dựng nông thôn mới.

Cùng tham gia triển khai, quản lý hoạt động tín dụng chính sách trên địa bàn tỉnh còn có 844 Trường thôn, ấp, khu phố tại 100% xã, phường, thị trấn. Vai trò của Trường thôn, ấp, khu phố trong hoạt động tín dụng chính sách ngày càng được nâng lên, góp phần quan trọng trong việc đảm bảo nguồn vốn tín dụng CSXH được đến đúng các đối tượng thụ hưởng một cách công khai, minh bạch; phối hợp thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát sau cho vay; nâng cao chất lượng sử dụng nguồn vốn vay.

3.2. Hoạt động tại các Điểm giao dịch xã

Điểm giao dịch xã là nơi NHCSXH tổ chức phục vụ nhân dân tại trụ sở UBND cấp xã, nhằm tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ tín dụng ưu đãi của Chính phủ, tiết giảm các chi phí, thời gian đi lại giao dịch của người vay, đảm bảo hoạt động tín dụng CSXH dân chủ, công khai với cách thức “*phục vụ tại nhà, giải ngân, thu nợ tại xã*”. Người vay trực tiếp giao dịch với NHCSXH vào ngày cố định hàng tháng để vay vốn, trả nợ, gửi tiền tiết kiệm có sự chứng kiến của chính quyền, các tổ chức chính trị xã hội nhận ủy thác, Tổ trưởng Tổ TK&VV. Tại các Điểm giao dịch đều thực hiện công khai đầy đủ các chính sách tín dụng ưu đãi, các quy trình nghiệp vụ, hồ sơ thủ tục vay vốn, lãi suất của từng chương trình, danh sách hộ vay vốn còn dư nợ ... để tạo điều kiện cho cấp ủy, chính quyền, các cấp, các ngành và nhân dân kịp thời nắm bắt các chủ trương của Đảng, chính sách của nhà nước về hoạt động tín dụng CSXH trên địa bàn; đồng thời, kiểm tra, giám sát và thực hiện vay vốn, trả nợ, trả lãi và các dịch vụ khác của NHCSXH. Vào phiên giao dịch xã, NHCSXH tổ chức họp giao ban với chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị xã hội nhận ủy thác và Tổ trưởng Tổ TK&VV để đánh giá hoạt động tín dụng CSXH trên địa bàn trong tháng; đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho tháng tiếp theo.

Để tạo điều kiện cho hoạt động của Tổ giao dịch lưu động an toàn, hiệu quả; UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 1519/UBND-KGVX ngày 15/5/2017 về việc tăng cường công tác bảo đảm an toàn giao dịch tại các điểm giao dịch xã. Trong đó, Chủ tịch UBND tỉnh giao Chủ tịch UBND huyện, thị xã chỉ đạo Chủ tịch UBND cấp xã là thành viên Ban Đại diện HĐQT NHCSXH cấp huyện chủ động bố trí lực lượng Công an, dân quân cấp xã trang bị các công cụ hỗ trợ cần thiết để phối hợp với NHCSXH trực canh gác tại nơi Tổ giao dịch làm việc tại xã vào ngày giao dịch cố định hằng tháng để hỗ trợ cho NHCSXH đảm bảo an toàn tuyệt đối về con người, tiền và tài sản trong thời gian giao dịch tại xã.

Hiện toàn tỉnh có 107 Điểm giao dịch NHCSXH đặt tại trụ sở UBND của 107 xã, phường thị trấn; 04 điểm giao dịch tại Trụ sở NHCSXH. Các hoạt động tín dụng CSXH cho vay, thu nợ, thu lãi và gửi tiền tiết kiệm được triển khai thực hiện tại Điểm giao dịch xã. Việc tổ chức giao dịch tại Điểm giao dịch xã được thực hiện 01 tháng 01 lần (kể cả thứ bảy và chủ nhật) tạo điều kiện cho nhân dân tiếp cận nguồn vốn nhất là các địa bàn xã thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng đồng bào DTTS.

3.3. Mạng lưới Tổ TK&VV

Mô hình quản lý tín dụng CSXH được xây dựng từ cơ sở, trong đó có Tổ TK&VV được thành lập theo địa bàn dân cư (theo thôn, ấp, khu phố) do Trưởng thôn hoặc một tổ chức chính trị xã hội vận động thành lập, được Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt. Tổ TK&VV hỗ trợ cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trong quá trình vay vốn, bên cạnh đó còn giúp hộ nghèo hình thành thói quen tiết kiệm và tăng cường trách nhiệm cộng đồng trong quá trình tổ chức sản xuất, kinh doanh, ổn định cuộc sống, thực hiện nghĩa vụ công dân, nghĩa vụ trả nợ ngân hàng. Hoạt động của Tổ TK&VV đã phát huy vai trò quan trọng trong triển khai thực hiện tín dụng CSXH, là cánh tay nối dài của NHCSXH trong thực hiện tín dụng CSXH, là cầu nối giữa Ngân hàng với người vay vốn, đã góp phần chuyển tải nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Chính phủ đến với các đối tượng được thụ hưởng kịp thời, tiết giảm chi phí cho người vay, đảm bảo công khai, dân chủ, tạo ra hiệu quả kinh tế, chính trị, xã hội to lớn. Đến 31/8/2022, toàn tỉnh có 1.846 Tổ TK&VV, trong đó, có 1.713 Tổ xếp loại tốt (chiếm tỷ lệ 92,8%); 109 Tổ xếp loại khá (chiếm 5,9%); 24 Tổ xếp loại trung bình (chiếm 1,3%); không có Tổ xếp loại yếu.

4. Tập trung huy động được các nguồn lực tài chính đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu vay vốn của người nghèo và các đối tượng chính sách khác

Thực hiện chủ trương đa dạng hóa nguồn lực thực hiện tín dụng CSXH; để đảm bảo có đủ nguồn vốn thực hiện các chương trình tín dụng CSXH trên địa bàn, cùng với nguồn vốn cân đối từ Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh luôn quan tâm chỉ đạo việc huy động và tập trung các nguồn lực tài chính, đáp ứng nhu cầu vay vốn của người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Tổng nguồn vốn đến 31/8/2022 là 3.027,4 tỷ đồng, tăng 2.894,95 tỷ đồng (tăng 21,9 lần) so với thời điểm mới thành lập, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 17,4%/năm. Trong đó:

- Nguồn vốn Trung ương là 2.337,82 tỷ đồng, tăng 2.208,97 tỷ đồng (gấp 17 lần) so với thời điểm mới thành lập, chiếm tỷ trọng 77,21% trên tổng nguồn vốn.

- Nguồn vốn huy động trên thị trường là 515,96 tỷ đồng, tăng 515,96 tỷ đồng so với thời điểm mới thành lập, chiếm tỷ trọng 17,06% trên tổng nguồn vốn. Trong đó: Nguồn vốn huy động từ tổ chức, cá nhân là 249,3 tỷ đồng; Nguồn tiền gửi của Tổ viên Tổ TK&VV là 266,7 tỷ đồng (100% Tổ TK&VV có gửi tiền tiết kiệm). Việc triển khai nhận tiền gửi tiết kiệm thông qua Tổ TK&VV đã giúp người nghèo và các đối tượng chính sách khác làm quen với các dịch vụ Ngân hàng, có thói quen tiết kiệm, tích lũy nguồn trả nợ và góp phần tạo lập được nguồn vốn, bổ sung nguồn cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn.

- Nguồn vốn nhận ủy thác từ ngân sách địa phương là 173,6 tỷ đồng, tăng 170 tỷ đồng² (gấp 47,5 lần) so với thời điểm mới thành lập, chiếm tỷ trọng 5,73% trên tổng nguồn vốn. Trong đó: Nguồn vốn nhận ủy thác từ ngân sách tỉnh là 94,7 tỷ đồng, tăng 91,7 tỷ đồng so với thời điểm mới thành lập và nguồn vốn nhận ủy thác từ ngân sách cấp huyện là 78,5 tỷ đồng, tăng 78,5 tỷ đồng so với thời điểm mới thành lập.

Nguồn vốn thực hiện tín dụng CSXH trên địa bàn tỉnh qua 20 năm đã không ngừng tăng trưởng, ngày càng đáp ứng được tốt hơn nhu cầu vay của người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn. Ngoài nguồn vốn của Trung ương chuyển về, thì nguồn vốn từ ngân sách địa phương có vai trò quan trọng trong việc cho vay các đối tượng thụ hưởng theo quy định của địa phương; đã tạo điều kiện để mở rộng cho vay, đáp ứng nhu cầu của các đối tượng, nhất là người lao động chưa có việc làm. Đặc biệt, kể từ khi có Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư Trung ương về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng CSXH, UBND tỉnh/huyện đã ưu tiên cân đối ngân sách trình cấp có thẩm quyền quyết định chuyển 110,65 tỷ đồng sang NHCSXH tỉnh/huyện để bổ sung nguồn vốn cho vay đáp ứng nhu cầu của người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn, góp phần thực hiện các mục tiêu hàng năm của tỉnh về giảm nghèo nhanh và bền vững, giải quyết việc làm, xây dựng nông thôn mới, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn.

Đặc biệt, để tạo lập nguồn vốn địa phương ổn định nhằm triển khai có hiệu quả các chương trình tín dụng CSXH trên địa bàn tỉnh, UBND đã giao Chi nhánh NHCSXH tỉnh phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu xây dựng “Đề án đầu tư tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025”. Đề án đang trong quá trình hoàn thiện. Đây được xem là một bước đột phá để nâng cao hơn nữa nguồn lực, hiệu quả của nguồn vốn tín dụng CSXH trong giai đoạn tới.

5. Thực hiện cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác đạt hiệu quả, góp phần quan trọng thực hiện thành công mục tiêu giảm

² Nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Ngân hàng phục vụ người nghèo của tỉnh đến thời điểm thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh là 3,6 tỷ đồng.

nghèo, đảm bảo an sinh xã hội và xây dựng nông thôn mới; ưu tiên hỗ trợ đồng bào DTTS và đồng bào ở các vùng khó khăn

5.1. Việc triển khai thực hiện các chương trình tín dụng CSXH

Sau 20 năm hoạt động, đến nay quy mô tín dụng được mở rộng và chất lượng tín dụng được nâng lên toàn diện. Hiện nay trên địa bàn tỉnh đã và đang thực hiện 19 chương trình tín dụng CSXH, tăng 16 chương trình so với thời điểm mới thành lập. Về cơ chế, quy trình, thủ tục cho vay được thực hiện theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ, các Quyết định của Thủ tướng, Thông tư hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương và Văn bản hướng dẫn nghiệp vụ của Tổng Giám đốc NHCSXH. Tổng doanh số cho vay tín dụng CSXH trong 20 năm qua đạt 8.431,12 tỷ đồng, với 489.460 lượt khách hàng vay vốn. Đến 31/8/2022, tổng dư nợ đạt 3.022,55 tỷ đồng, tăng 22,5 lần so với lúc thời điểm năm 2002, với 76.078 khách hàng còn dư nợ, với tăng trưởng bình quân hàng năm 17,6%, trong đó dư nợ nguồn vốn Trung ương 2.849,79 tỷ đồng, chiếm 94,28%/tổng dư nợ; dư nợ nguồn vốn nhận ủy thác tại địa phương 172,76 tỷ đồng, chiếm 5,72%/tổng dư nợ (*Diễn biến dư nợ qua các năm theo Phụ lục số 01/TK đính kèm*)

Với thủ tục, quy trình cho vay được thực hiện theo hướng dễ hiểu, dễ làm và thực hiện theo một quy trình thống nhất, ngoài việc trả lãi, trả gốc theo thỏa thuận, người vay không phải trả thêm bất kỳ khoản phí nào kể cả hồ sơ vay vốn.

Kết quả thực hiện theo từng chương trình, cụ thể như sau:

5.1.1. Chương trình cho vay hộ nghèo: Đây là chương trình trọng tâm thực hiện chủ trương giảm nghèo nhanh, bền vững. Trong 20 năm, nguồn vốn đã giúp 138.365 lượt hộ nghèo được vay vốn với số tiền 1.537,65 tỷ đồng. Chương trình có dư nợ đến 31/8/2022 là 184,15 tỷ đồng, với 4.408 khách hàng còn dư nợ, chiếm 6,09%/tổng dư nợ. Qua 20 năm, từ nguồn vốn vay đã góp phần giúp 53.382 hộ thoát nghèo.

5.1.2. Chương trình cho vay hộ cận nghèo theo Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg ngày 23/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ: Chương trình được thực hiện từ năm 2013 đã giúp cho 35.823 lượt hộ cận nghèo vay vốn, với số tiền 805,36 tỷ đồng. Dư nợ của chương trình đến 31/8/2022 là 255 tỷ đồng với 6.658 khách hàng còn dư nợ, chiếm 8,44%/tổng dư nợ. Qua 10 năm, từ nguồn vốn vay đã góp phần giúp 30.525 hộ thoát cận nghèo.

5.1.3. Chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo theo Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ

Chương trình được thực hiện từ năm 2015, với mục đích giúp cho hộ mới thoát nghèo có vốn để tiếp tục đầu tư sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thoát nghèo bền vững, chống tái nghèo, sau 07 năm triển khai thực hiện đã giúp cho 30.476 lượt hộ mới thoát nghèo vay vốn, với số tiền 949,7 tỷ đồng. Dư nợ đến 31/8/2022 là 495,63 tỷ đồng, với 13.107 khách hàng còn dư nợ, chiếm 16,4%/tổng dư nợ.

5.1.4. Chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP của Chính phủ

Kể từ khi thành lập đến nay, doanh số cho vay đạt 855,72 tỷ đồng, tạo việc làm, duy trì việc làm cho 34.618 lượt lao động, góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp, tăng thu nhập, mở rộng sản xuất, phát triển các ngành nghề, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, thay đổi cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa ở nông thôn. Dư nợ đến 31/8/2022 là 419,95 tỷ đồng, với 9.947 khách hàng còn dư nợ, chiếm 13,89%/tổng dư nợ.

5.1.5. Chương trình cho vay học sinh, sinh viên theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ

Được triển khai thực hiện từ năm 2007, qua 15 năm đã giải ngân cho 41.711 lượt khách hàng vay vốn, với số tiền 822,96 tỷ đồng. Dư nợ đến 31/8/2022 là 240,15 tỷ đồng, với 6.216 khách hàng vay vốn và HSSV còn dư nợ, chiếm 7,95%/tổng dư nợ. Chương trình đã giúp 41.712 HSSV có hoàn cảnh khó khăn được vay vốn đi học, tạo thêm nguồn nhân lực có tri thức, có tay nghề góp phần đồng bộ hóa các giải pháp thực hiện chương trình giảm nghèo, an sinh xã hội và chiến lược đào tạo nguồn nhân lực cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của địa phương.

5.1.6. Chương trình cho vay nước sạch vệ sinh môi trường theo Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg ngày 16/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ

Chương trình được triển khai tại địa phương từ năm 2006, qua 17 năm thực hiện đã có 142.675 lượt hộ dân ở nông thôn được vay vốn, với số tiền 1.757,44 tỷ đồng để xây dựng 276.638 công trình nước sạch và công trình vệ sinh. Dư nợ đến 31/8/2022 là 832,34 tỷ đồng, với 47.578 khách hàng còn dư nợ, chiếm 27,54%/tổng dư nợ. Được sử dụng nước sạch, công trình vệ sinh hợp vệ sinh không những đảm bảo sức khỏe cho cộng đồng dân cư, mà còn góp phần nâng cao chất lượng sống của người dân nông thôn, qua đó hình thành nếp sống văn hóa, văn minh, nâng cao ý thức giữ gìn và bảo vệ môi trường, góp phần vào xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

5.1.7. Chương trình cho vay người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Quyết định số 365/2004/QĐ-NHNN ngày 13/4/2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ

Chương trình được triển khai tại địa phương từ năm 2004, qua 18 năm thực hiện đã có 145 lượt khách hàng vay vốn, với số tiền 2,94 tỷ đồng. Dư nợ đến 31/8/2022 là 0,15 tỷ đồng, với 03 khách hàng vay vốn còn dư nợ. Chương trình đã giúp cho lao động được vay vốn đi làm việc ở nước ngoài. Ngoài việc tích lũy nguồn vốn để gửi tiền cho gia đình, nhờ tiếp xúc với khoa học kỹ thuật, phong cách làm việc tiên tiến, hiện đại, người lao động đã thay đổi nhận thức trong cách làm việc, nâng cao tay nghề, đây cũng là kiến thức cần có cho người lao động sau khi hết hạn hợp đồng về nước làm việc.

5.1.8. Chương trình cho vay hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 và Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ

Chương trình được triển khai thực hiện từ năm 2009 đến năm 2020, với doanh số cho vay 39,36 tỷ đồng. Dư nợ đến 31/8/2022 là 13,91 tỷ đồng, với 662 khách hàng còn dư nợ, chiếm 0,46% trong tổng dư nợ. Cùng với nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương và địa phương đã giúp cho 3.731 hộ nghèo có nhà ở ổn định, an toàn, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống, góp phần giảm nghèo bền vững. Đến nay, chương trình này đã hết hiệu lực thực hiện.

5.1.9. Chương trình cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn theo Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ

Chương trình được thực hiện từ năm 2007, qua 15 năm thực hiện đã giúp 56.275 lượt khách hàng tại vùng khó khăn được vay vốn, với số tiền 1.459,92 tỷ đồng. Dư nợ đến 31/8/2022 là 478,27 tỷ đồng với 11.735 khách hàng còn dư nợ, chiếm 15,82%/tổng dư nợ. Chương trình đã giúp những hộ gia đình ở vùng khó khăn vay vốn phát triển những ngành nghề thế mạnh tại địa phương như: đầu tư cải tạo chăm sóc cây cao su, điều, tiêu, phát triển chăn nuôi..., qua đó tạo việc làm, nâng cao đời sống, góp phần thực hiện chương trình phát triển nông nghiệp, nông thôn, phát triển kinh tế đồng đều giữa các vùng trong tỉnh.

5.1.10. Cho vay thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn theo Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/07/2009 của Thủ tướng Chính phủ

Chương trình được thực hiện từ năm 2009, đến nay đã giải ngân cho 1.131 lượt thương nhân được vay vốn, với số tiền 40,43 tỷ đồng. Dư nợ đến 31/8/2022 là 5,65 tỷ đồng, với 123 khách hàng còn dư nợ, chiếm 0,19% trong tổng dư nợ.

5.1.11. Chương trình cho vay hộ đồng bào dân tộc thiểu số: theo Quyết định số 32/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 (giai đoạn 2007-2010), Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg ngày 04/12/2012 (giai đoạn 2012-2015), Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 (giai đoạn 2016-2020), Nghị định số 28/2022/QĐ-TTg ngày 26/4/2022

Chương trình được triển khai thực hiện tại địa phương từ năm 2007; qua 15 năm thực hiện đã có 3.471 hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn được vay vốn, với số tiền 43,96 tỷ đồng. Dư nợ đến 31/8/2022 là 8,77 tỷ đồng, chiếm 0,29%/tổng dư nợ với 226 hộ còn dư nợ.

5.1.12. Chương trình cho vay ưu đãi để mua, thuê nhà ở xã hội, xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ

Chương trình được triển khai tại địa phương từ năm 2018; đến nay đã giải ngân cho 210 lượt khách hàng vay vốn, với số tiền 81,23 tỷ đồng. Dư nợ của chương trình đến 31/8/2022 là 63,87 tỷ đồng với 184 khách hàng, chiếm 2,11%/tổng dư nợ.

5.1.13. Chương trình cho vay người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ

Chương trình được thực hiện trong năm 2020-2021 (kết thúc ngày 31/3/2022) để hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, với 29 lượt doanh nghiệp, người sử dụng lao động vay vốn với số tiền 21,98 tỷ đồng để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất cho 5.701 lượt lao động. Dư nợ đến 31/8/2022 là 18,99 tỷ đồng với 06 khách hàng còn dư nợ, chiếm 0,63% tổng dư nợ.

5.1.14. Chương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến theo Quyết định số 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ

Chương trình được thực hiện từ tháng 4/2022; sau 04 tháng đã có 400 lượt hộ vay vốn để mua máy tính, thiết bị học trực tuyến cho 400 học sinh, sinh viên học tập, với số tiền 4 tỷ đồng. Dư nợ của chương trình đến 31/8/2022 là 04 tỷ đồng, với 270 khách hàng.

5.1.15. Chương trình cho vay đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid -19 theo Quyết định số 11/2022/QĐ-TTg ngày 27/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ

Chương trình được thực hiện từ cuối tháng 4/2022, sau 04 tháng đã có 20 cơ sở mầm non và trường mầm non tư thục vay vốn, với số tiền 1,7 tỷ đồng để sửa chữa cơ sở vật chất; mua sắm trang thiết bị, vật tư y tế phòng chống dịch COVID-19 và mua sắm thiết bị nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục để phục hồi, duy trì hoạt động.

5.2. Chất lượng tín dụng CSXH không ngừng được nâng cao, góp phần bảo toàn nguồn vốn cho vay

Cùng với việc tăng trưởng quy mô tín dụng, chất lượng tín dụng CSXH thường xuyên được củng cố, nâng cao thông qua việc chỉ đạo thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp như: thường xuyên quan tâm đôn đốc thu hồi nợ đến hạn, nợ quá hạn để đảm bảo sử dụng nguồn vốn tín dụng CSXH hiệu quả; tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân về trách nhiệm trả nợ, sử dụng vốn đúng mục đích; tích cực rà soát, kiểm tra, đôn đốc sử dụng vốn vay đúng mục đích, hiệu quả, thu hồi nợ để quay vòng và bảo toàn nguồn vốn. *Đặc biệt*, trong năm 2021, UBND tỉnh đã có Quyết định số 713/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp trong công tác thu hồi nợ đối với các hộ gia đình, cá nhân chuyển nhượng quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất có vay vốn tại NHCSXH trên địa bàn tỉnh. Kết quả đạt được từ khi triển khai thực hiện quy chế đến 31/8/2022 đã giúp thu hồi được 194 hộ, số tiền 7,108 tỷ đồng (trong đó, thu hồi từ phối hợp với Phòng Công chứng là 0,067 tỷ đồng/4 hộ, thu hồi từ phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường hoặc Văn phòng đăng ký đất đai là 3,562 tỷ đồng/87 hộ, thu hồi do hộ vay trả nợ trước khi sang nhượng là 3,479 tỷ đồng/103 hộ).

Ngoài nguồn vốn bổ sung hàng năm, trong 20 năm đã có 5.545,68 tỷ đồng được thu hồi để cho vay quay vòng, chiếm 65,8% trong tổng doanh số cho vay. Cùng với đó chất lượng tín dụng ngày càng được nâng lên, đến 31/8/2022, tổng nợ quá hạn và nợ khoanh còn 4,73 tỷ đồng, chiếm 0,16% trên tổng dư nợ (giảm 4,63% so với khi mới thành lập), trong đó nợ quá hạn là 3,18 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 0,11%

trên tổng dư nợ (giảm 4,68% so với khi mới thành lập); toàn tỉnh có 07 Hội đoàn thể cấp huyện, 50 đơn vị cấp xã và 1.696 Tổ TK&VV không có nợ quá hạn; nợ khoanh 1,55 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 0,05% trên tổng dư nợ.

5.3. Hiệu quả các chương trình tín dụng CSXH

Qua 20 năm triển khai thực hiện Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ; các chương trình tín dụng ưu đãi thực hiện trên địa bàn tỉnh đã tạo điều kiện cho 489.460 lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn với tổng số tiền 8.431,12 tỷ đồng; nguồn vốn đã góp phần giúp cho 53.382 hộ thoát nghèo; 30.525 hộ thoát cận nghèo; giải quyết việc làm cho 34.618 lao động; 41.712 HSSV được vay vốn trang trải chi phí học tập; xây dựng 276.638 công trình nước sạch và nhà vệ sinh; 3.731 căn nhà ở cho hộ nghèo, 210 căn nhà ở xã hội. Nhiều tập thể, cá nhân đã thực hiện tốt chính sách tín dụng ưu đãi trong 20 năm qua. Chính sách tín dụng cùng với các chính sách khác góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo cụ thể như sau: giai đoạn 2001 - 2005 giảm từ 12% xuống còn 4,5%; giai đoạn 2006 - 2010 giảm từ 11,2% xuống còn 4,3%; giai đoạn 2011 - 2015 giảm từ 9,29% xuống còn 2,96%; giai đoạn 2016 - 2021 giảm từ 6,15% xuống còn 0,43%.

Tín dụng CSXH trong 20 năm qua đã được cấp ủy Đảng, Chính quyền địa phương, tổ chức chính trị xã hội các cấp đánh giá cao trong việc góp phần hạn chế tệ nạn cho vay nặng lãi, bán non sản phẩm nông nghiệp, hạn chế thiệt hại do dịch bệnh Covid-19 gây ra. Vốn tín dụng CSXH đã đầu tư đến 100% xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh; trong đó ưu tiên tập trung cho vay tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào DTTS và xã xây dựng nông thôn mới³. Được tiếp cận các chương trình tín dụng ưu đãi đã giúp cho người nghèo và các đối tượng chính sách đổi mới tư duy, cách nghĩ, cách làm, hướng đầu tư, biết tính toán lợi ích kinh tế mà đồng vốn mang lại, tiết kiệm trong tiêu dùng, sử dụng vốn có hiệu quả bằng các loại hình sản xuất đa dạng: trồng, chăm sóc cao su, điều, tiêu; chăn nuôi trâu, bò, heo, dê; nuôi gia cầm lấy trứng, lấy thịt; đầu tư làm dịch vụ, hoạt động thương mại, sản xuất hàng hóa... Cùng tham gia sinh hoạt tổ với nhau, những hộ sản xuất kinh doanh có nhiều kinh nghiệm, quen với sản xuất hàng hóa sẽ giúp đỡ những hộ nghèo phát triển kinh tế, đôn đốc nhau sử dụng vốn đúng mục đích, hoàn trả gốc lãi cho ngân hàng, phát huy truyền thống tương thân tương ái trong cộng đồng.

Các chương trình tín dụng ưu đãi được bổ sung qua các năm, đa dạng đối tượng thụ hưởng đã có tác động tích cực đối với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; làm chuyển biến phương thức sản xuất của hộ nghèo, đồng bào DTTS theo hướng sản xuất hàng hóa; nâng cao chất lượng môi trường sống; góp phần ổn định chính trị, an ninh và trật tự xã hội; đời sống của người dân vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào DTTS dần được nâng cao, thu hẹp khoảng cách giữa các vùng. Thông qua các chương trình tín dụng CSXH của NHCSXH đầu tư cho vay tại các xã xây dựng

³ dư nợ cho vay vùng đồng bào DTTS là 1.694,95 tỷ đồng/43.106 khách hàng, chiếm 56% tổng dư nợ; dư nợ cho vay các xã xây dựng nông thôn mới là 2.065,5 tỷ đồng/52.934 khách hàng, chiếm 68,3% tổng dư nợ.

nông thôn mới đã góp phần giúp có 70/90 xã được công nhận đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới, trong đó 08 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 03 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Vốn tín dụng CSXH tác động toàn diện đến mọi mặt của đời sống hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng của Đảng, Nhà nước. Nhờ đó, đã tạo sự chuyển biến tích cực mạnh mẽ tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào DTTS; đời sống vật chất và tinh thần của người nghèo và các đối tượng chính sách khác ngày càng được cải thiện; hệ thống chính trị ngày càng được củng cố; khối đại đoàn kết toàn dân tộc được tăng cao. Tín dụng CSXH góp phần quan trọng vào bảo đảm an sinh xã hội, ổn định chính trị, trật tự xã hội và an ninh quốc phòng tại địa phương.

Thực hiện chương trình giảm 1.000 hộ nghèo là đồng bào DTTS của tỉnh giai đoạn 2019-2021; UBND tỉnh đã giao Chi nhánh NHCSXH tỉnh phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, Hội đoàn thể nhận ủy thác, Ban Quản lý tổ TK&VV và các cơ quan liên quan, tổ chức khảo sát, đánh giá, và đề xuất các giải pháp thực hiện chính sách dân tộc thông qua tín dụng CSXH nhằm giúp người dân tiếp cận nguồn vốn kịp thời, đúng đối tượng, mang lại hiệu quả kinh tế xã hội thiết thực; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện chính sách tại cơ sở, rà soát cho vay kịp thời nhằm đảm bảo 100% các hộ nằm trong Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS hằng năm, có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn đều được tiếp cận nguồn vốn tín dụng CSXH. Kết quả giai đoạn 2019-2021: đã cho vay 1.923 lượt hộ nghèo là đồng bào DTTS, với số tiền là 77,4 tỷ đồng, góp phần giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, đảm bảo an sinh xã hội ở vùng DTTS và miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

6. Kết quả thực hiện cơ chế phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro và cơ chế xử lý nợ rủi ro

- Công tác phân loại nợ được thực hiện theo Quyết định số 976/QĐ-TTg ngày 01/07/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế phân loại nợ tại NHCSXH từ năm 2015 đến nay: UBND tỉnh đã giao NHCSXH tỉnh phối hợp chính quyền cơ sở, tổ chức chính trị xã hội nhận ủy thác và các thành phần liên quan tổ chức 03 đợt đối chiếu phân loại nợ theo quy định của Thủ tướng Chính phủ⁴. Quá trình đối chiếu, phân loại nợ đã thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình, quy định của Thủ tướng, chỉ đạo của UBND tỉnh và hướng dẫn của Tổng Giám đốc NHCSXH Việt Nam. Tỷ lệ đối chiếu, phân loại nợ qua 03 đợt đạt 100% số khách hàng đang dư nợ. Qua đối chiếu, phân loại nợ, không có chênh lệch số dư nợ gốc, nợ lãi giữa Ngân hàng và khách hàng, không phát hiện tiêu cực trong vay vốn tín dụng chính sách; đồng thời thông qua việc đối chiếu nợ đã lồng ghép công tác tuyên truyền về chủ trương chính sách để người vay hiểu và chấp hành đúng các quy định khi vay vốn, sử dụng nguồn vốn vay, kịp thời chấn chỉnh, ngăn chặn những tồn tại, hạn chế trong quản lý và sử dụng vốn tại cơ sở.

⁴ Triển khai đối chiếu phân loại nợ năm 2015, năm 2018 và năm 2022.

- Công tác xử lý nợ bị rủi ro được thực hiện theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ, của Chủ tịch Hội đồng quản trị⁵. UBND tỉnh đã giao Chi nhánh NHCSXH tỉnh phối hợp với chính quyền địa phương, tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác thực hiện tốt công tác xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan, đảm bảo việc xử lý nợ bị rủi ro chính xác, kịp thời, tạo điều kiện để người vay tiếp tục đầu tư khôi phục sản xuất, vươn lên thoát nghèo. Qua 20 năm đã xử lý rủi ro cho 3.944 món vay, số tiền 27.14 tỷ đồng (gốc 21,30 tỷ đồng, lãi 5,85 tỷ đồng), chiếm tỷ lệ 0,25% trên tổng doanh số cho vay; trong đó khoanh nợ cho 1.773 món vay, số tiền 8,62 tỷ đồng (gốc 6,77 tỷ đồng, lãi 1,85 tỷ đồng) chiếm tỷ lệ 0,08% trên tổng doanh số cho vay; xóa nợ cho 2.171 món vay, số tiền 18,52 tỷ đồng (gốc 14,52 tỷ đồng, lãi 04 tỷ đồng), chiếm tỷ lệ 0,17% trên tổng doanh số cho vay.

Thông tin về xử lý nợ rủi ro được thông báo đến từng khách hàng và được công khai tại Điểm giao dịch xã. Qua kết quả thực hiện cho thấy việc xử lý nợ đã được thực hiện thường xuyên, đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ, chính xác, không ảnh hưởng đến nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Chính phủ và tạo điều kiện cho các đối tượng vay vốn gặp rủi ro khách quan vượt qua khó khăn, có cơ hội phục hồi sản xuất kinh doanh.

7. Kết quả thực hiện chế độ tài chính, chế độ tiền lương

Hoạt động tài chính của tín dụng CSXH (do NHCSXH thực hiện) theo quy định của Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH; Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ được hướng dẫn cụ thể bởi Thông tư số 24/2005/TT-BTC ngày 01/04/2005 của Bộ Tài chính; các văn bản QPPL về quản lý tài chính khác có liên quan là những cơ sở pháp lý chủ yếu để thực hiện cơ chế tài chính trong việc thực hiện các chương trình tín dụng CSXH.

Tổng thu từ lãi vay tăng dần qua từng năm (do quy mô tín dụng CSXH tăng trưởng hằng năm); các khoản chi tiêu được quản lý chặt chẽ, qua đó đã duy trì và kiểm soát được tình hình tài chính; thực hiện chi đúng, thu đủ, tiết giảm chi phí tối đa, đảm bảo quản lý tài chính tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật.

Các chính sách về tiền lương và các quyền lợi cho cán bộ, người lao động chuyên trách về tín dụng CSXH (cán bộ Chi nhánh NHCSXH tỉnh) như: các khoản Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn và bệnh nghề nghiệp và các chế độ chính sách khác cho người lao động được thực hiện theo đúng hướng dẫn của NHCSXH.

⁵ Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010, Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 27/01/2011 và Quyết định số 62/QĐ-HĐQT ngày 27/9/2021 của HĐQT.

8. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát

Công tác kiểm tra, giám sát hoạt động tín dụng CSXH đã và đang phát huy hiệu lực, hiệu quả, là giải pháp quan trọng trong việc nâng cao chất lượng hoạt động, giữ vững kỷ cương, kỷ luật điều hành. Cơ quan chuyên trách là NHCSXH đã triển khai hệ thống kiểm tra nội bộ, hệ thống kiểm tra giám sát từ xa, kết hợp với công tác kiểm tra giám sát của Ban Đại diện HĐQT NHCSXH các cấp, công tác kiểm tra theo nội dung Văn bản thoả thuận, Văn bản liên tịch, Hợp đồng ủy thác đã ký của tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác các cấp cũng như sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và của toàn dân trong quá trình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện tín dụng CSXH tại cơ sở đã cơ bản đáp ứng yêu cầu quản trị, điều hành nhằm cảnh báo rủi ro, rà soát, bổ sung, chấn chỉnh kịp thời các tồn tại, sai sót trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ. Kết quả công tác kiểm tra giám sát trong 20 năm như sau:

- Ban Đại diện HĐQT NHCSXH các cấp đã kiểm tra 04 lượt tỉnh, 299 lượt huyện, 2.930 lượt Điểm giao dịch xã, 3.077 lượt xã, 10.537 lượt Tổ TK&VV.

- Hội đoàn thể nhận ủy thác cấp trên kiểm tra đối với Hội đoàn thể cấp dưới và hoạt động tổ TK&VV luôn được quan tâm và thực hiện thường xuyên. Trong 20 năm, Hội đoàn thể nhận ủy thác các cấp đã kiểm tra 01 lượt tỉnh, 455 lượt huyện, 4.287 lượt Điểm giao dịch xã, 4.799 lượt xã, 14.895 lượt Tổ TK&VV.

- Hằng năm, NHCSXH các cấp đã kịp thời xây dựng, tổ chức thực hiện tốt kế hoạch kiểm tra, kiểm soát nội bộ thông qua nhiều hình thức như: kiểm tra toàn diện, kiểm tra chuyên đề, tự kiểm tra, kiểm tra đột xuất, kiểm tra giám sát từ xa... để kịp thời chấn chỉnh, ngăn ngừa những tồn tại, hạn chế phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ. NHCSXH các cấp đã tổ chức kiểm tra được 11 lượt tỉnh, 327 lượt huyện, 4.218 lượt Điểm giao dịch xã, 4.457 lượt xã, 24.538 lượt Tổ TK&VV.

Bên cạnh đó, trong 20 năm hoạt động tín dụng CSXH trên địa bàn tỉnh cũng đã tiếp đón các đoàn kiểm tra, giám sát, khảo sát của các cơ quan như: Kiểm toán Nhà nước, Bộ ngành Trung ương, NHCSXH Trung ương, Hội đồng nhân dân tỉnh ... thực hiện kiểm tra giám sát 11 lượt tỉnh, 61 lượt huyện, 50 lượt xã, 42 lượt điểm giao dịch, 99 lượt Tổ TK&VV.

Do phát huy tốt vai trò của hệ thống kiểm tra, kiểm toán nội bộ đã giúp cho lãnh đạo các cấp điều hành hoạt động tín dụng CSXH thông suốt, đúng định hướng; quản lý vốn an toàn, đúng pháp luật. Hoạt động kiểm tra, giám sát đã phát hiện, ngăn ngừa kịp thời các tồn tại, sai sót xảy ra trong hoạt động nghiệp vụ, góp phần tích cực trong việc bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy trình nghiệp vụ.

9. Công tác thông tin, tuyên truyền

UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở ngành có liên quan đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về hoạt động tín dụng CSXH bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú: công khai tại Điểm giao dịch xã, trên bản tin nội bộ của Hội đoàn thể; công khai trên Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh, của huyện; phát trên đài truyền thanh của xã; tuyên truyền đến khách hàng tại các buổi phát tiền vay, các buổi sinh hoạt Tổ; biên soạn tờ rơi gửi đến khách hàng. Ngoài ra, hàng năm chỉ

đạo chi nhánh NHCSXH tỉnh phối hợp với các báo, đài Trung ương và địa phương đưa trên 400 tin tuyên truyền các chính sách tín dụng mới, các mô hình sử dụng vốn hiệu quả. Việc đổi mới và đa dạng các hình thức truyền thông đã giúp người dân và các cấp, các ngành nắm bắt kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về tín dụng CSXH cũng như về hoạt động của NHCSXH.

10. Công tác đào tạo, tập huấn.

Hàng năm, UBND tỉnh đã quan tâm chỉ đạo các đơn vị, chính quyền địa phương các cấp tạo điều kiện về địa điểm, cơ sở vật chất cho chi nhánh NHCSXH tỉnh trong quá trình phối hợp với Hội đoàn thể các cấp để tổ chức tập huấn cho cán bộ Hội tỉnh, cấp huyện, cấp xã; tập huấn đến Chủ tịch UBND cấp xã là thành viên Ban Đại diện HĐQT NHCSXH cấp huyện, Trưởng Ban giảm nghèo, 100% Trưởng thôn và Ban quản lý Tổ TK&VV theo hình thức tập trung. NHCSXH cũng thường xuyên lồng ghép, tổ chức tập huấn nghiệp vụ tại buổi họp giao ban hàng tháng cho cán bộ hội đoàn thể cấp xã và Tổ trưởng tổ TK&VV mới được kiện toàn, thay đổi ngay tại điểm giao dịch xã vào ngày trực cố định theo hình thức cầm tay chỉ việc, qua đó giúp cho đội ngũ làm công tác ủy thác, ủy nhiệm nắm bắt kịp thời chính sách, nghiệp vụ mới và triển khai thực hiện có hiệu quả tín dụng CSXH trên địa bàn.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 40-CT/TW, KẾT LUẬN SỐ 06-KL/TW CỦA BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

1. Công tác triển khai thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW, Kết luận số 06-KL/TW

Trên cơ sở Chỉ thị, Kết luận của Ban Bí thư Trung ương Đảng⁶; các Quyết định ban hành kế hoạch triển khai của Thủ tướng Chính phủ⁷; Tỉnh ủy đã ban hành kế hoạch triển khai thực hiện⁸; UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch, văn bản chỉ đạo giao nhiệm vụ cho các sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện⁹.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị xã hội của tỉnh và các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy đã ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW, Kết luận số 06-KL/TW; UBND các huyện, thị xã, thành phố cũng đã ban hành văn bản triển khai thực hiện kế hoạch của Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy.

⁶ Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22/11/2014 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng CSXH, Kết luận số 06-KL/TW ngày 10/6/2021 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng CSXH của Ban Bí thư Trung ương Đảng

⁷ Quyết định số 401/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 về Ban hành Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng CSXH, Quyết định số 1630/QĐ-TTg ngày 28/9/2021 về Ban hành Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng CSXH và Kết luận số 06-KL/TW ngày 10/6/2021 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW.

⁸ Kế hoạch số 233-KH/TU ngày 10/6/2015 về thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng CSXH, Kế hoạch số 45-KH/TU ngày 18/10/2021 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng CSXH.

⁹ Kế hoạch số 158/KH-UBND ngày 14/7/2015 về việc triển khai kế hoạch số 233-KH/TU ngày 10/6/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 11/3/2022 về triển khai thực hiện Quyết định số 1630/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 45-KH/TU ngày 18/10/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Đồng thời, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã chỉ đạo Huyện ủy, UBND huyện tổ chức triển khai phổ biến, quán triệt nội dung Chỉ thị số 40-CT/TW, Kết luận số 06-KL/TW và các văn bản liên quan của Chính phủ, của Tỉnh ủy tới 100% các Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, cấp ủy đảng, chính quyền xác định nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo đối với hoạt động tín dụng CSXH là hoạt động thường xuyên, tổ chức thực hiện tốt chủ trương huy động các nguồn lực cho tín dụng CSXH gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, đảm bảo an sinh xã hội của địa phương.

2. Kết quả thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW, Kết luận số 06-KL/TW

Cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp đã coi việc lãnh đạo, chỉ đạo đối với hoạt động tín dụng CSXH là một trong những nhiệm vụ trong chương trình, kế hoạch hoạt động thường xuyên. Ngay sau khi có sự chỉ đạo của Trung ương; Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn đã ban hành văn bản quán triệt, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Các cấp chính quyền đã chủ động bố trí ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay, gắn việc huy động và sử dụng nguồn vốn với phát triển nông nghiệp, nông thôn, phát triển giáo dục dạy nghề, tạo việc làm, bảo đảm an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức chính trị xã hội nhận ủy thác cho vay từ NHCSXH đã chủ động thực hiện vai trò tập trung lực lượng, đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chính sách của Đảng và Nhà nước về tín dụng CSXH đến các tầng lớp nhân dân, nhất là người nghèo và các đối tượng chính sách khác; nâng cao hiệu quả giám sát toàn dân đối với công tác tín dụng CSXH. Các tổ chức chính trị xã hội ưu tiên triển khai Chỉ thị số 40-CT/TW, Kết luận số 06-KL/TW như một giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động và công tác dân vận ở cơ sở.

Đến 31/8/2022, UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã chuyển bổ sung nguồn vốn tín dụng CSXH ở địa phương với số tiền 110,65 tỷ đồng để ủy thác sang NHCSXH cùng cấp để bổ sung nguồn vốn cho vay, nâng nguồn vốn ủy thác của địa phương đạt 173,6 tỷ đồng, tăng 161% so với trước khi có Chỉ thị 40/CT-TW. Việc bổ sung nguồn vốn tín dụng CSXH địa phương đã thể hiện sự quan tâm, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền địa phương đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác. Ngoài ra, chính quyền địa phương luôn quan tâm tạo mọi điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện giao dịch, điều kiện làm việc cho hoạt động tín dụng CSXH trên địa bàn⁽¹⁰⁾. Quy mô tín dụng CSXH được mở rộng, chất lượng tín dụng được nâng lên. Từ khi thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW dư nợ tăng 1.591,2 tỷ đồng, tỷ lệ nợ quá hạn giảm từ 0,61% (thời điểm 31/12/2014) xuống còn 0,1% (thời điểm 31/8/2022).

Sau gần 8 năm triển khai thực hiện, Chỉ thị số 40-CT/TW đã góp phần quan trọng giúp thực hiện mục tiêu giảm nghèo nhanh, bền vững; xây dựng nông thôn

⁽¹⁰⁾ Tính đến nay, chính quyền địa phương đã hỗ trợ cho NHCSXH: nhà chuyển giao với diện tích sử dụng là 1.446 m² (giá trị 9,671 tỷ đồng), 20.911 m² đất, với giá trị 28,215 tỷ đồng; hỗ trợ kinh phí xây dựng trụ sở 8,683 tỷ đồng; hỗ trợ kinh phí mua xe ô tô, mua máy vi tính và lắp quầy giao dịch... với tổng số tiền 0,692 tỷ đồng.

mới; đảm bảo an sinh xã hội; ổn định chính trị, an ninh quốc phòng; thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa các vùng, miền trên cả nước. Tín dụng CSXH được thực hiện thông qua NHCSXH đã phát huy được sức mạnh của cả hệ thống chính trị; công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện được tăng cường. Quy mô tăng trưởng tín dụng không ngừng mở rộng, số lượt người được thụ hưởng tín dụng CSXH ngày một nhiều, chất lượng tín dụng được nâng cao. Tín dụng CSXH đã góp phần ngăn chặn nạn cho vay nặng lãi, “tín dụng đen”, đặc biệt là những vùng nông thôn, là một công cụ kinh tế thực hiện vai trò điều tiết của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; là một trong những đòn bẩy kinh tế kích thích người nghèo và các đối tượng CSXH có điều kiện phát triển sản xuất, cải thiện cuộc sống, tự vươn lên khẳng định vị thế của mình trong xã hội, góp phần xây dựng xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

IV. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, TỒN TẠI HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN CỦA HẠN CHẾ TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 78/2002/NĐ-CP NGÀY 04/10/2002 CỦA CHÍNH PHỦ

1. Khó khăn, vướng mắc, tồn tại hạn chế

1.1. Khó khăn, vướng mắc

- Thực tế hiện nay có nhiều hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác có nhu cầu vay tiêu dùng để trang trải một phần chi phí sinh hoạt hàng ngày và các chi phí đột xuất phát sinh, song chưa có cơ chế cho vay; vì vậy, hiện còn một bộ phận người dân phải tiếp cận với các nguồn vốn khác với chi phí lãi vay cao.

- Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào DTTS giai đoạn 2021-2025, tỉnh Bình Phước chỉ còn 05 xã thuộc vùng khó khăn từ đó dẫn đến địa bàn được thụ hưởng các chương trình tín dụng chính sách dành cho vùng khó khăn bị thu hẹp.

1.2. Tồn tại, hạn chế

- Nguồn lực để thực hiện các chương trình tín dụng CSXH còn hạn chế so với nhu cầu thực tế của người nghèo và các đối tượng chính sách; nhất là chương trình tín dụng có nhu cầu lớn như chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm. Bên cạnh đó một số địa phương dành nguồn lực từ ngân sách để bổ sung nguồn vốn cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn còn hạn chế.

- Chất lượng hoạt động tín dụng CSXH giữa các địa phương, đơn vị nhận ủy thác không đồng đều, đối tượng vay vốn của NHCSXH chủ yếu là người nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, người có trình độ tổ chức sản xuất kinh doanh thấp, sống ở vùng sâu, vùng xa vùng có điều kiện kinh tế xã hội kém phát triển; lĩnh vực đầu tư sản xuất bị tác động bởi thiên tai, dịch bệnh và giá cả thị trường, ... từ đó dẫn đến tín dụng CSXH tiềm ẩn tỷ lệ rủi ro cao.

- Mức cho vay đối với một số chương trình tín dụng CSXH của Chính phủ chưa được điều chỉnh phù hợp tình hình thực tế nên chưa đáp ứng đủ nhu cầu vay

vốn của nhân dân (như chương trình cho vay cho vay hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn; cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn).

- Việc phối hợp để lồng ghép các chương trình, dự án trên địa bàn và giữa các hoạt động tín dụng của NHCSXH với các hoạt động khuyến công, khuyến nông chưa đồng bộ, dẫn tới vốn vay của hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác chưa phát huy hiệu quả cao.

- Các tổ chức chính trị xã hội nhận ủy thác có lúc, có nơi chưa bao quát toàn diện các công việc được ủy thác trong quy trình cho vay, nhất là chưa quan tâm đầy đủ đến công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổ TK&VV, việc sử dụng vốn vay của các tổ viên và đơn đốc thu nợ.

2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

2.1. Nguyên nhân khách quan

- Nguồn lực của Nhà nước có hạn, lại phải thực hiện đồng thời nhiều mục tiêu để phát triển kinh tế - xã hội; nên số vốn đầu tư của Nhà nước cho các chương trình MTQG nói chung và tín dụng CSXH nói riêng chưa đáp ứng nhu cầu thực tế.

- Cơ chế chỉ đạo, điều hành các ngành, các cấp chưa đồng bộ nên ảnh hưởng đến việc phối hợp, lồng ghép các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các hoạt động chuyên giao công nghệ với hoạt động tín dụng CSXH trên địa bàn tỉnh, cũng như địa bàn cấp huyện.

- Trong những năm qua, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 đã tác động, ảnh hưởng lớn và nghiêm trọng đến tình hình sản xuất, kinh doanh và đời sống của người dân. Sản xuất nông nghiệp cũng gặp không ít khó khăn, do biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh xảy ra thường xuyên, giá cả hàng hoá không ổn định làm ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập của người dân, dẫn đến khả năng trả nợ của khách hàng gặp khó khăn.

- Cán bộ lãnh đạo các tổ chức chính trị xã hội thực hiện nhiệm vụ ủy thác theo chế độ kiêm nhiệm, thay đổi sau các kỳ đại hội cũng là hạn chế trong việc thực hiện hoạt động ủy thác.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Một số nơi, có lúc, có ngành chưa làm tốt công tác tuyên truyền, hướng dẫn hộ nghèo vay vốn để phát triển sản xuất, tăng thu nhập vươn lên thoát nghèo.

- Một số địa phương chưa quan tâm đúng mức đến công tác củng cố, nâng cao chất lượng tín dụng CSXH trên địa bàn; chưa có biện pháp cụ thể để cải thiện chất lượng tín dụng, nhất là các biện pháp nhằm xử lý đối với các trường hợp khác hàng còn dư nợ tại NHCSXH nhưng cố tình chây ỳ, bỏ đi khỏi nơi cư trú.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Đánh giá chung

Những kết quả đạt được trong 20 năm thực hiện tín dụng CSXH có thể khẳng định: Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ là chủ trương, chính sách đúng đắn, hợp lòng dân; khẳng định vai trò của tín dụng CSXH đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; là giải pháp căn cơ, lâu dài, để thực hiện thắng

lợi các mục tiêu, kế hoạch về giảm nghèo, tạo việc làm, xây dựng nông thôn mới, đảm bảo an sinh xã hội, phục hồi, phát triển kinh tế nhất là trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 còn đang diễn biến phức tạp...

Hoạt động tín dụng CSXH luôn nhận được sự quan tâm, lãnh đạo chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND, của cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp, sự giám sát, phản biện của MTTQVN các cấp; đặc biệt là Ban Đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh đã làm tốt công tác điều hành, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động tín dụng CSXH; cùng với sự tham gia cộng đồng trách nhiệm của các tổ chức chính trị xã hội nhận ủy thác, sự ủng hộ của người dân; sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ, viên chức, người lao động NHCSXH nên hoạt động tín dụng CSXH không ngừng phát triển cả về quy mô và chất lượng.

Mô hình quản trị, điều hành hoạt động tín dụng CSXH được xây dựng tổ chức tinh gọn, hiệu quả. Phương thức cho vay được ủy thác qua 04 tổ chức chính trị - xã hội, mạng lưới Điểm giao dịch xã và Tổ TK&VV được xây dựng gần dân, đã giúp chuyển tải nguồn vốn ưu đãi hơn 8.431 tỷ đồng của Nhà nước đến tận tay người thụ hưởng một cách nhanh chóng, tiết kiệm chi phí và tạo ra hiệu quả kinh tế, chính trị, xã hội to lớn; chất lượng tín dụng không ngừng được nâng cao. Có thể nói, chính sách tín dụng ưu đãi được Nhà nước ban hành đã đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân, đặc biệt là các tầng lớp dân cư có thu nhập thấp, người yếu thế, góp phần tạo thêm công ăn việc làm, nâng cao sức sản xuất hàng hóa, cải thiện đời sống, ổn định trật tự xã hội tại địa phương, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo (cụ thể như sau: giai đoạn 2001 - 2005 giảm từ 12% xuống còn 4,5%; giai đoạn 2006 - 2010 giảm từ 11,2% xuống còn 4,3%; giai đoạn 2011 - 2015 giảm từ 9,29% xuống còn 2,96%; giai đoạn 2016-2021 giảm từ 6,15% xuống còn 0,43%), giảm tỷ lệ thất nghiệp, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, bảo đảm an sinh xã hội, ổn định chính trị, trật tự xã hội, an ninh quốc phòng tại địa phương.

2. Bài học kinh nghiệm

Qua 20 năm triển khai thực hiện Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 14/10/2002 của Chính phủ; có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm để tiếp tục triển khai có hiệu quả các chương trình tín dụng CSXH trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn tiếp theo, cụ thể như sau:

- *Một là*, Đảng, Quốc hội và Chính phủ đã kịp thời ban hành các chủ trương, cơ chế, chính sách tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác phù hợp với thực tiễn, được nhân dân tin tưởng, đồng tình ủng hộ.

- *Hai là*, sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND, các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, sự giám sát, phản biện của MTTQVN các cấp, sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Đại diện HĐQT tỉnh/huyện, sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể nhận ủy thác và sự vào cuộc của người dân đã huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị - là yếu tố then chốt tạo nên sự thành công trong việc triển khai thực hiện đồng bộ hoạt động tín dụng CSXH.

- *Ba là*, việc xây dựng Đề án để tạo lập nguồn vốn tín dụng CSXH bằng nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH là một giải pháp có tính đột phá, nhằm tạo nguồn lực vững chắc để tỉnh nhà thực hiện các chính sách đặc thù hỗ trợ vốn vay cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

- *Bốn là*, quan tâm làm tốt công tác thông tin tuyên truyền, đảm bảo kịp thời, công khai, minh bạch các chủ trương chính sách của Đảng, Chính phủ về tín dụng CSXH để mọi tầng lớp nhân dân đều có thể hiểu và dễ tiếp cận; chú trọng công tác kiểm tra, giám sát; đặc biệt là vai trò kiểm tra, giám sát của các thành viên Ban Đại diện HĐQT NHCSXH cấp huyện là Chủ tịch UBND cấp xã.

- *Năm là*, việc xây dựng quy chế phối hợp giữa các ngành với NHCSXH là cần thiết và đóng vai trò quan trọng trong công tác phối hợp để quản lý nguồn vốn, nâng cao chất lượng tín dụng CSXH.

Phần thứ hai

ĐỊNH HƯỚNG, MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TÍN DỤNG ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI NGƯỜI NGHÈO VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH KHÁC ĐẾN NĂM 2030

I. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG

1. Tín dụng CSXH tiếp tục là công cụ kinh tế hữu hiệu góp phần thực hiện thành công các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh; tiếp tục thực hiện hiệu quả các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương về tín dụng CSXH, đặc biệt là Quyết định số 1630/QĐ-TTg ngày 28/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Chi thị số 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng CSXH và Chiến lược phát triển NHCSXH đến năm 2030.

2. Tín dụng CSXH phải được phát triển ổn định lâu dài; đồng thời, duy trì được vai trò là định chế tài chính công thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi của Trung ương, địa phương; tập trung vào những lĩnh vực mà các tổ chức tài chính hoạt động theo nguyên tắc thị trường không thể đáp ứng hoặc chỉ đáp ứng được một phần.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Căn cứ chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy; UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình tín dụng CSXH trên địa bàn toàn tỉnh trong từng giai đoạn; phát triển NHCSXH theo hướng ổn định, bền vững, bảo đảm thực hiện tốt các chính sách tín dụng ưu đãi của Đảng, Chính phủ. Tập trung nguồn lực, phát triển các sản phẩm dịch vụ hỗ trợ ngày càng hiệu quả cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn.

2. Mục tiêu cụ thể

- Phấn đấu đáp ứng 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác có nhu cầu, đủ điều kiện: được vay vốn các chương trình tín dụng CSXH và tiếp cận các dịch vụ do NHCSXH cung cấp.

- Hàng năm, hoàn thành 100% kế hoạch tín dụng được Trung ương và địa phương giao (bao gồm dư nợ tín dụng, huy động vốn); trong đó: tăng trưởng dư nợ bình quân hàng năm đạt từ 08% - 10%.

- Tỷ lệ nợ quá hạn duy trì dưới mức 0,2%/tổng dư nợ.

- Nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác sang NHCSXH để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác tăng trưởng bình quân từ 40 tỷ đồng/năm trở lên. Phân đấu đến năm 2030, nguồn vốn này chiếm tối thiểu 10%/tổng nguồn vốn tín dụng CSXH trên địa bàn.

- Đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại vào hoạt động nghiệp vụ phù hợp với hoạt động NHCSXH.

- Phối hợp, lồng ghép có hiệu quả hoạt động tín dụng CSXH với hoạt động hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, khuyến công, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư và hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội nhằm mục tiêu giảm nghèo nhanh và bền vững, bảo đảm an sinh xã hội.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tiếp tục phát huy những thành quả đã đạt được, nhanh chóng khắc phục những khó khăn, tồn tại, hạn chế.

2. Tranh thủ tối đa nguồn lực của Trung ương; tập trung huy động nguồn lực của địa phương để kịp thời đáp ứng nhu cầu vay vốn của người nghèo và các đối tượng chính sách khác. Trong đó chú trọng:

- Tiếp tục triển khai thực hiện các bước đúng quy định để sớm ban hành “Đề án đầu tư tín dụng đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025”, nhằm tạo lập nguồn vốn ổn định, lâu dài để thực hiện tín dụng CSXH tại địa phương.

- Tập trung các nguồn vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, nguồn vốn có tính chất từ thiện và các nguồn vốn hợp pháp khác vào NHCSXH để bổ sung nguồn vốn cho vay. Huy động mọi nguồn lực, đẩy mạnh vận động xây dựng Quỹ “Vì người nghèo” để huy động sự đóng góp của các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp và cá nhân nhằm bổ sung vào nguồn vốn cho các chương trình tín dụng CSXH.

3. Giao các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, chủ động tham mưu, tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị định số 78/2002/NĐ-CP, Chỉ thị số 40-CT/TW và Kết luận số 06-KL/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng CSXH; Quyết định số 1630/QĐ-TTg ngày 28/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 45-KH/TU ngày 18/10/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 64/KH-UBND ngày 11/3/2022 của UBND tỉnh trong việc thực hiện, quản lý, sử dụng vốn tín dụng CSXH cho công tác giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội và xây dựng nông thôn mới ở địa phương; coi đây là nhiệm vụ, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị các cấp.

4. Giao Chi nhánh NHCSXH tỉnh phối hợp với các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Bám sát các văn bản của Trung ương, của tỉnh, tham mưu UBND tỉnh xây dựng, phân giao, điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch tín dụng hằng năm sát với nhu cầu thực tế.

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả, chất lượng các chương trình tín dụng CSXH trên địa bàn (trong đó, ưu tiên triển khai thực hiện tốt các chương trình tín dụng CSXH theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ; các chương trình tín dụng CSXH thuộc Chương trình MTQG về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030 theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/04/2022 của Chính phủ).

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin và truyền thông, thông tin kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về chính sách tín dụng ưu đãi đối với người nghèo, cận nghèo và các đối tượng chính sách khác đến các tầng lớp nhân dân, đặc biệt những chính sách tín dụng ưu đãi mới thuộc vùng đặc biệt khó khăn, đồng bào DTTS...; những địa phương có kết quả hoạt động tốt, các mô hình, cá nhân làm ăn kinh tế hiệu quả, để tuyên truyền nhân rộng,...

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, tạo tính chủ động và bền vững trong hoạt động. Triển khai hiện đại hóa công nghệ thông tin, phát triển các phần mềm nhằm phục vụ tốt yêu cầu quản lý, điều hành trong hệ thống NHCSXH và phục vụ khách hàng nhanh chóng, chính xác

- Tăng cường công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao trình độ năng lực cho cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; thường xuyên tập huấn cho đội ngũ cán bộ làm công tác ủy thác của các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ Ban giám nghèo cấp xã, Trưởng thôn, Ban Quản lý Tổ TK&VV.

4. Tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả mô hình tổ chức và phương thức quản lý tín dụng CSXH đặc thù; huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị trong hoạt động tín dụng CSXH. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động, chất lượng ủy thác cho vay, hoạt động của Điểm giao dịch tại xã, hoạt động của Tổ TK&VV. Lồng ghép vốn tín dụng CSXH với các chương trình khuyến nông, khuyến công, khuyến lâm; chuyển giao khoa học kỹ thuật; các nguồn vốn khác của địa phương để chuyển đổi cây trồng, vật nuôi phù hợp với khí hậu, đất đai giúp hộ nghèo và các đối tượng chính sách sử dụng vốn có hiệu quả cao, từng bước vươn lên thoát nghèo, ổn định cuộc sống.

5. Ban Đại diện HĐQT NHCSXH các cấp, các tổ chức chính trị xã hội nhận ủy thác nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tiếp tục thực hiện tốt chức năng giám sát và phản biện xã hội về hiệu quả của nguồn vốn tín dụng CSXH.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ

- Qua 20 năm triển khai thực hiện Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ, đến nay các chính sách đã đi vào đời sống và phát huy hiệu quả thiết thực phục vụ người dân, nhất là các hộ nghèo và chính sách. Nghị

định số 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ vẫn còn nguyên giá trị; đề nghị Chính phủ tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện mô hình tổ chức và phương thức quản lý tín dụng CSXH do NHCSXH thực hiện đã và đang đem lại hiệu quả thiết thực nhằm góp phần thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo an sinh xã hội; cân đối bố trí đủ nguồn lực để thực hiện các chương trình tín dụng CSXH.

- Kịp thời điều chỉnh mức cho vay tối đa đối với một số chương trình tín dụng CSXH phù hợp với tình hình hiện nay (*Chương trình cho vay Hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn theo Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007, Chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn theo Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg ngày 16/4/2004*).

- Bổ sung địa bàn được thụ hưởng chính sách tín dụng đối với vùng khó khăn (*chương trình cho vay Hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn theo Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007, chương trình cho vay Thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn theo Quyết định số 91/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ*) tại các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc.

- Ban hành chính sách tín dụng cho vay tiêu dùng và chính sách tín dụng đối với hộ có mức sống trung bình tại xã xây dựng nông thôn mới.

2. Đối với NHCSXH Việt Nam

Hằng năm, tiếp tục quan tâm cân đối giao bổ sung chỉ tiêu nguồn vốn cho vay theo kế hoạch tín dụng tỉnh đã xây dựng để đáp ứng kịp thời nhu cầu vay vốn của hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh.

UBND tỉnh Bình Phước trân trọng báo cáo./.

(Kèm theo 07 Biểu phụ lục).

Nơi nhận:

- Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;
- NHCSXH Việt Nam;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh, BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- Ngân hàng CSXH tỉnh;
- UBND huyện, thị xã; thành phố;
- Trưởng BDD HĐQT cấp huyện;
- VPUB: LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT, PVX_(NgBC08/22).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Tuyết Minh